TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT
Ngày 24-6-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ly

Ông Nguyễn Thành Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu vực TH1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 04/6/2024): Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1997. Trú tại: Ấp 6, xã MTN, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Trung L Công ty Luật TNHH Lộc Phúc và Thịnh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa Chỉ: Số 311 ĐBP, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

***Bị đơn*:** Ông Phan Xuân N, sinh năm 1983; Địa chỉ: C37 NTQ, tổ 6, kp 4, phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

- Bà Phạm Thị Ngh, sinh năm 1945; Địa chỉ: C37 NTQ, tổ 6, kp 4, phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

- Văn phòng Công chứng Nguyễn Thanh T; Địa chỉ: Ấp TT B, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai L trình bày:

Bà và ông Phan Xuân N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường TT, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu khi chung sống với nhau, bà đã không hạnh phúc vì ông N cộc cằn, nóng tính, hay chửi bới bà, hơn nữa do bất đồng quan điểm, thường gây tâm lý hoang mang nặng nề trong gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2014, ông N đi tù. Đến năm 2019, ông N mãn hạn tù. Sau khi trở về thì ông N không thay đổi tính tình, không chia sẻ mà còn luôn gây sự, ảnh hưởng đến công việc và tâm lý của bà. Vợ chồng bà cũng đã sống ly thân.

Nay bà xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Xuân N

- Về con chung: Bà và ông N 02 con chung tên là Phan Tấn Dg, sinh ngày 24/12/2008 và Phan Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Tài sản chung của bà và ông N là 02 thửa đất tọa lạc tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm:

+ Thửa đất 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa. Đất được UBND thị xã Bà Rịa (nay là Tp Bà Rịa) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 ngày 31/3/2010, đứng tên Nguyễn Thị Mai L.

+ Thửa đất 510, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa. Đất được UBND thị xã Bà Rịa (nay là Tp Bà Rịa) cấp giấy CNQSDĐ số AM 088265 ngày 07/07/2008, đứng tên Phan Xuân N.

Đối với toàn bộ tài sản này, bà yêu cầu chia đôi và đưa ra phương án như sau:

* Nếu ông N đồng ý lấy toàn bộ 02 thửa đất này thì phải thanh toán cho bà số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng,

* Nếu không đồng ý thì đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật, ai lấy phần đất nhiều hơn thì thanh toán lại giá trị chênh lệch cho người kia.

* Nếu ông N đồng ý bán hết tài sản trên thì bà đồng ý bán để chia bằng tiền.

- Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thửa đất ở Cần Thơ, ông Phan Xuân N đã lập văn bản tại văn phòng công chứng xác nhận đó lài tài sản riêng của bà nên bà không đồng ý chia

+ Bà bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe ô tô Mazda 3, màu xám, biển kiểm soát 72L-1572, Giấy Đăng ký xe số 013248 do Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/12/2009, đứng tên Phan Xuân N.

Bị đơn ông Phan Xuân N trình bày: Ông Phan Xuân N xác nhận quá trình chung sống cũng như điều kiện kết hôn như bà L đã trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống cũng có những lúc vợ chồng cãi vã nhưng không trầm trọng, nguyên nhân chỉ do những ảnh hưởng nhỏ bên ngoài. Đến tháng 11/2014, ông bị bắt về hành vi "Sử dụng mạng Iternet để chiếm đoạt tài sản", Tòa án Tp Hồ Chí Minh tuyên xử 06 năm tù, đến ngày 11/5/2019 thì ông chấp hành án xong. Sau khi trở về thì ông, bà L và các con chung sống với nhau tại căn nhà ở Cần Thơ. Được khoảng 04 - 05 ngày thì vợ chồng xảy ra xung đột, mâu thuẫn, cãi vã, đánh nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là ông nghe nói thời gian ông ở tù, bà L có quan hệ với người đàn ông khác. Ông nói chuyện khuyên can thì xảy ra xung đột xô xát với bà L. Sau đó, ông trở về Bà Rịa sinh sống. Lần cuối ông về Cần Thơ vào khoảng đầu tháng 8/2019. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn yêu thương vợ con.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa: Ông N đồng ý ly hôn và thỏa thuận được với bà L về vấn đề nuôi con chung. Theo đó, bà L được trực tiếp nuôi dưỡng Phan Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2012; Ông N được trực tiếp nuôi dưỡng Phan Tấn D, sinh ngày 24/12/2008; Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

- Về nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung:

Ông N xác nhận hai thửa đất tại thành phố Bà Rịa và xe ô tô hiệu Mazda 3 là tài sản chung của vợ chồng như bà L trình bày là đúng

Ngoài ra, vợ chồng ông còn có 01 tài sản nữa là thửa đất 1200, tờ bản đồ 01, diện tích 169,8 m^2 (Đất ở đô thị) tọa lạc tại khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Đất được UBND Tp Thốt Nốt cấp giấy CNQSDĐ số BD641552 ngày 27/6/2012. Trên đất vợ chồng ông đã xây dựng nhà ở. Ông N cho rằng ông chưa bao giờ lập văn bản xác nhận thửa đất này là tài sản riêng của bà L,do đó ông yêu cầu phản tố như sau:

+ Tuyên Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng lập ngày 02/7/2019, là vô hiệu.

+ Thửa đất 1200, tờ bản đồ 01, diện tích 169,8 m^2 (Đất ở đô thị) tọa lạc tại

khu vực ThH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, là tài sản chung của ông và bà Loan.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N yêu cầu cụ thể như sau:

+ Yêu cầu Tòa tuyên Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng lập ngày 02/7/2019 là vô hiệu. Công nhận thửa đất 1200, tờ bản đồ 01, diện tích 169,8 m^2 (Đất ở đô thị) tọa lạc tại khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ là tài sản chung của ông và bà L.

+ Về khối tài sản chung của ông và bà L, ông yêu cầu được nhận 7 phần trên tổng khối tài sản chung, vì ông có công sức đóng góp nhiều hơn bà L, cụ thể ông yêu cầu:

+ Được nhận thửa đất 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa; Thửa đất 510, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa và xe Ô tô hiệu Mazda3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngh trình bày:

Năm 2016, bà có cho con trai bà là Phan Xuân N và con dâu bà là Nguyễn Thị Mai L vay số tiền 988.839.000 đồng để khắc phục hậu quả trong vụ án hình sự.

Ngày 05/6/2017, bà cho bà L mượn 140.000.000 đồng để làm ăn.

Do đó, bà làm đơn yêu cầu ông N, bà L phải trả lại cho bà số tiền 1.128.839.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên Tòa, bà Ngh rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Văn phòng Công chứng Nguyễn Thanh T trình bày: Ngày 02/7/2019, ông Phan Xuân N có yêu cầu làm Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng, tức ông N xác nhận tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1200, tờ bản đồ số 01, diện tích 169,8m^2, loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất: Khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ là tài sản riêng của vợ là bà Nguyễn Thị Mai L. Nay, ông Phan Xuân N yêu cầu Tòa tuyên Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng mà ông đã ký ngày 02/7/2019, vô hiệu là không có căn cứ. Bởi vì Văn bản của ông N yêu cầu Văn phòng Công chứng ký là sự tự nguyện của ông Phan Xuân N, Văn phòng Công chứng là nơi giao dịch với sự tự nguyện của khách hàng và Văn phòng Công chứng đã làm đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, Văn phòng Công chứng không đồng ý việc ông N yêu cầu Tòa án tuyên văn bản xác nhận tài sản riêng của ông là vô hiệu.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227; các Điều 157; 161; 165; 235; 266; 271 và Điều 273 BLTTDS.

- Điều 131 BLDS 2015.

- Các Điều 55; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội .

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai L đối với ông Phan Xuân N về "Ly hôn – Tranh chấp về nuôi con – Chia tài sản khi ly hôn".

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Xuân N "Yêu cầu tuyên văn bản công chứng vô hiệu" và chấp nhận một phần yêu cầu "Chia tài sản chung khi ly hôn" của ông Phan Xuân N.

Cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai L được ly hôn với ông Phan Xuân N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mai L và ông Phan Xuân N có 02 (hai) con chung tên là Phan Tấn D, sinh ngày 24/12/2008 và Phan Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2012;

Bà Nguyễn Thị Mai L được trực tiếp nuôi dưỡng Phan Ngọc Bảo Tr;

Ông Phan Xuân N được trực tiếp nuôi dưỡng Phan Tấn D;

Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Mai L, ông Phan Xuân N có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở;

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về Nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mai L và ông Phan Xuân N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- Về Tài sản chung:

+ Bà Nguyễn Thị Mai L được quyền sử dụng định đoạt nhà đất thuộc thửa đất số 1200, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BD641552, do UBND Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/6/2012;

Bà Nguyễn Thị Mai L, được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý đối với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BD641552, do UBND Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/6/2012 hoặc yêu cầu cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật.

+ Ông Phan Xuân N được quyền sử dụng, định đoạt đối với các tài sản sau:

Thửa đất số 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 31/3/2010.

Nhà đất thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy CNQSDĐ số AM 088265 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 07/07/2008.

Ông Phan Xuân N được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý đối với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 31/3/2010 và Giấy CNQSDĐ số AM 088265 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 07/07/2008 hoặc yêu cầu cấp mới, theo quy định của pháp luật.

+ Xe ô tô hiệu Mazda 3, BS 72N – 1572, Giấy Đăng ký xe số 013248 do Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/12/2009.

Ông Phan Xuân N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận xe ô tô hiệu Mazda.

+ Buộc ông Phan Xuân N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mai L số tiền 963.785.044 đồng (chín trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi bốn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Ngh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29-9-2023, bà Nguyễn Thị Mai L làm đơn kháng cáo yêu cầu chia lại phần tài sản chung.

Ngày 20/11/2023(Theo dấu bưu điện TTh) bà L có kháng cáo bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mai L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về chia tài chung, chia hai thửa đất số 100 và thửa số 510 tại thành phố Bà Rịa và chiếc MZADA biển số 72N 1572 là tài sản chung của vợ chồng và bà L yêu cầu được sử dụng thửa đất 100 và tài sản trên đất. Đồng yêu cầu Toà án xác định công nhận nhà đất tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BD641552, do UBND Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/6/2012 là tài sản riêng của bà L. Bà L sẽ hoàn trả tiền chênh lệch cho ông N.

Ông Phan Văn N giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án như phiên toà sơ thẩm.

Ý kiến luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà L:

Cho rằng ông N đã khai nhận là tài sản riêng của bà L do đó đề nghị hội xét xử chấp nhận Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BD641552, do UBND Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

cấp ngày 27/6/2012 là của bà L.

Đề nghị Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của bà L và ông N như sau:

- Thửa đất số 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 31/3/2010.

- Nhà đất thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy CNQSDĐ số AM 088265 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 07/07/2008.

- Chiếc Xe ô tô hiệu Mazda 3, BS 72N – 1572, Giấy Đăng ký xe số 013248 do Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/12/2009.

Chia các tài sản trên và cho bà L được sử dung lô đất - Thửa đất số 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Để bà L có điều kiện được ở gần con chung đề dể chăm sóc. Bà L có trách nhiệm hoàn tiền chênh lệch về tài sản cho ông N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mai L gửi trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận. Riêng đối với đơn yêu cầu bổ sung kháng cáo đã quá hạn tại phiên toà phúc thẩm bà L không còn yêu cầu nên không xem xét. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông N và bà L tìm hiểu và sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2006, đến năm 2009 thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TTh, thành phố Cần Thơ. Sau thời gian sống chung đến năm 2014 ông N đi tù, năm 2019 ông N mãn hạn tù về nhà thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân, ông N về ở nhà tại Bà Rịa, bà L ở Cần Thơ. Cấp sơ thẩm xét xử cho bà L được ly hôn với ông N là phù hợp, vấn đề này đương sự không kháng cáo nên không xem xét.

Về con Chung: Bà Nguyễn Thị Mai L và ông Phan Xuân N có 02 (hai) con chung tên là Phan Tấn D, sinh ngày 24/12/2008 và Phan Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2012; cấp sơ thẩm tuyên xử cho bà Nguyễn Thị Mai L được trực tiếp nuôi dưỡng Phan Ngọc Bảo Tr; Ông Phan Xuân N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Tấn D; Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở. Vấn đề này không kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà L và ông N không yêu nên hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

Về tài sản chung, bà L và ông N đều thống nhất vợ chồng có những tài sản sau:

- Thửa đất số 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 31/3/2010.

- Nhà đất thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy CNQSDĐ số AM 088265 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 07/07/2008.

- Xe ô tô hiệu Mazda 3, BS 72N – 1572, Giấy Đăng ký xe số 013248 do Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/12/2009.

Riêng nhà đất thuộc thửa đất số 1200, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BD641552, do UBND Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/6/2012. Đối với tài sản này, bà L cho rằng tại văn phòng công chứng Nguyễn Thành T, ngày 02/7/2019, ông Phan Xuân N có yêu cầu làm Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng, tức ông N xác nhận tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1200, tờ bản đồ số 01, diện tích 169,8m^2, loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất: Khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ là tài sản riêng của vợ là bà Nguyễn Thị Mai L. Vì vậy, bà L cho rằng đây là tài sản riêng không được phép chia.

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành giám định chữ ký ông N đối với thủ tục công chứng công nhận tài sản riêng, kết quả cho thấy không xác định được đó là chữ ký của ông N, mặt khác theo xác minh tại thời điểm ký văn bản công nhận tài sản riêng, và theo trình bày của ông N và bà L thì ông N không có mặt tại thành phố Cần Thơ vào ngày 02/7/2019 để có mặt tại phòng công chứng Nguyễn Thành T văn bản trên mà được người nhà đưa về chăm sóc tại thành phố Bà Rịa. Tại phiên toà phúc thẩm bà L cũng không cũng cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Vì vậy không có cơ sở khẳng định ông N đã ký Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng công nhận căn nhà tại Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ là tài sản của bà L.

Đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung theo dấu bưu điện ngày 20/11/2023 đã quá thời hạn kháng cáo. Tại phiên Toà phúc thẩm đại diện phía bị đơn cũng không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mai L gửi trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. *Về nội dung kháng cáo:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà L và ông N là hôn nhân hợp pháp, bà L và ông N tự nguyện tìm hiểu sống chung với nhau từ năm 2006, đến năm 2009 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TTh, thành phố Cần Thơ. Bà L và ông N chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì ông N đi tù, năm 2019 ông N mãn hạn tù về đoàn tụ với gia đình thì vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nên ông bà ly thân, bà L ở cần Thơ, ông N về sống tại thành phố Bà Rịa. Nay bà L có đơn yêu cầu được ly hôn, quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm ông N không đồng ý ly hôn nhưng sau đó đồng ý ly hôn, cấp sơ thẩm xét xử cho bà L được ly hôn với ông N là phù hợp với ý chí của các bên, có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mai L và ông Phan Xuân N có 02 (hai) con chung tên là Phan Tấn D, sinh ngày 24/12/2008 và Phan Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2012; cấp sơ thẩm tuyên xử cho bà Nguyễn Thị Mai L được trực tiếp nuôi dưỡng Phan Ngọc Bảo Tr; Ông Phan Xuân N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Tấn D; Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở. Vấn đề này không kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Bà L và ông N đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung:

Bà Loan và ông N đều xác định tài sản chung gồm có:

- Thửa đất số 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 31/3/2010.

- Nhà đất thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy CNQSDĐ số AM 088265 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 07/07/2008.

- Xe ô tô hiệu Mazda 3, BS 72N – 1572, Giấy Đăng ký xe số 013248 do Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/12/2009.

Cấp sơ thẩm xem xét chia đôi do không xác định được công sức đóng góp của ai nhiều hơn, đồng thời giao ông N được quyền quản lý sử dụng các tài sản này và thanh toán số tiền giá trị tài sản lại đối với phần bà L được hưởng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ vụ án.

Đối với tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 1200, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, được thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận vào ngày 27/6/2012. Tài sản trên được hình thành trong thời ký hôn nhân. Bà L cho rằng đây là tài sản riêng của bà do ông N đã ký Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng, tức ông N xác nhận tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1200, tờ bản đồ số 01, diện tích 169,8m^2, loại đất ở tại nông thôn,

địa chỉ thửa đất: Khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ là tài sản riêng của vợ là bà Nguyễn Thị Mai L.

Xét, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để giám định gồm "Phiếu yêu cầu công chứng" đề ngày 02/7/2019 và "Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng" lập ngày 02/7/2019. Căn cứ vào yêu cầu của ông N, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã có Quyết định Trưng cầu giám định số 01/2023/QĐ-TCGĐ ngày 03/01/2023 và Quyết định Trưng cầu giám định số 08/2023/QĐ-TCGĐ ngày 27/6/2023, tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tại Kết luận giám định số 28/KL-KTHS-TL ngày 13/3/2023 và số 103/KL-KTHS-TL ngày 17/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận không có cơ sở để kết luận là chữ ký của ông N trong các tài liệu này. Đồng thời, theo xác nhận của chính bà L và ông N, thời điểm ngày 27/6/2019, ông với bà L cãi nhau nên ông buồn mà uống thuốc tự tử nên phải đưa vô bệnh viện cấp cứu, đến ngày 28/6/2019 thì được xuất viện. Sau khi xuất viện thì ông có về nhà ở Cần Thơ rồi ngày hôm sau người nhà ông đưa ông về Bà Rịa để chăm sóc. Khoảng 3 tuần sau thì ông mới quay trở lại nhà ở Cần Thơ nhưng chỉ ở 02 ngày rồi lại trở về Bà Rịa sinh sống. Từ đó có cơ sở khẳng định ông N không ký vào văn bản xác nhận tài sản riêng vợ chồng cho bà L được sở hữu riêng đối với nhà đất tại Thốt Nốt, Cần Thơ. Vì vậy, cấp sơ thẩm nhận định tuyên Văn bản xác nhận tài sản riêng của vợ chồng lập ngày 02/7/2019, tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thanh T bị vô hiệu do không thực hiện đầy đủ các quy định của Luật công chứng là hoàn toàn phù hợp, đúng diễn biến sự việc và có căn cứ.

Ngoài ra tại phiên toà sơ thẩm ngày 25/9/2023 bà L khai nhận" tôi và ông N thoả thuận chia tài sản trong đó bà được sở hữu nhả và đất tại Cần Thơ và đưa cho bà L mấy trăm triệu đồng để sinh sống và tôi sẽ giao lại ông hai mảnh đất tại Bà Rịa và xe ô tô đây là thoả thuận bằng miệng" (bút lục số 369). Như vậy bà L cũng thừa nhận căn nhà và đất tại Cần Thơ là tài sản chung, nhưng sau đó ra công chứng chỉ xác nhận tài sản cho riêng bà L, nhưng không xác nhận các tài sản khác cho ông N và cho rằng tài sản nhà đất tại Cần Thơ là tài sản của riêng bà là thiếu căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 27/7/2020 bà L có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu trong đó có yêu cầu Thửa đất 100 tờ bàn đồ số 23 diện tích 593,9m^2 toạ lạc tại Phường LT, thành phố Bà Rịa có cho ông Trần Văn L thuê. Tại phiên toà sơ thẩm bà L không nêu ra yêu cầu toà xem xét và cũng không yêu cầu triệu tập người thuê nhà nên cấp sở thẩm không xem xét là có cơ sở. Nhưng đơn kháng cáo bổ sung của bà L nêu yêu cầu trên nhưng đã quá thời hạn kháng cáo (Ngày 20/11/2023 theo dấu bưu điện). Tại phiên toà phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của của bà L cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo kết quả định giá mà Toà án cấp sở thẩm thực hiện thì:

- Thửa đất số 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành

phố Bà Rịa) cấp ngày 31/3/2010. Trị giá là 2.858.060.000đồng (hai tỷ tám trăm năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng).(1)

- Nhà đất thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy CNQSDĐ số AM 088265 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 07/07/2008. Trị giá là 1.442.181.500đồng (một tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi mốt ngàn năm trăm đồng).(2)

- Xe ô tô hiệu Mazda 3, BS 72N – 1572, Giấy Đăng ký xe số 013248 do Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/12/2009. Trị giá là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng).(3)

- Tài sản là nhà đất thuộc thửa đất số 1200, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, được thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận vào ngày 27/6/2012. Trị giá là 2.572.679.456đồng (hai tỷ năm trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng).(4)

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là: (1+2+3+4) = 2.858.060.000đồng + 1.442.181.500đồng + 200.000.000đồng + 2.572.679.456đồng = 7.072.928.912đồng; Bà L và ông N mỗi người được nhận giá trị tài sản giá trị tương đương với số tiền 3.536.464.456đồng (Ba tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi sáu đồng). Do ông N nhận giá tài sản có giá trị cao hơn nên hoàn lại cho bà L số tiền chênh lệch là 3.536.464.456đồng - 2.572.679.412đồng (Giá trị nhà đất tại thửa đất số 1200, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ) = 963.785.044 đồng. Như vậy cấp sơ thẩm chia tài sản như trên là có cơ sở.

Từ đó, Hội đồng xét xử không căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà L về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét lại phần tài sản chung.

Quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông N không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* bà L và ông N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:* Yêu cầu kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên phải chịu an phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 313 Bộ luật dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai L đối với ông Phan Xuân N về "Ly hôn – Tranh chấp về nuôi con – Chia tài sản khi ly hôn"

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phan Xuân N "Yêu cầu tuyên văn bản công chứng vô hiệu" và chấp nhận một phần yêu cầu "Chia tài sản chung khi ly hôn" của ông Phan Xuân N.

Cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai L được ly hôn với ông Phan Xuân N

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mai L và ông Phan Xuân N có 02 (hai) con chung tên là Phan Tấn D, sinh ngày 24/12/2008 và Phan Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 24/12/2012;

Bà Nguyễn Thị Mai L được trực tiếp nuôi dưỡng Phan Ngọc Bảo Tr;

Ông Phan Xuân N được trực tiếp nuôi dưỡng Phan Tấn D;

Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét

Bà Nguyễn Thị Mai L, ông Phan Xuân N có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở;

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về Nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mai L và ông Phan Xuân N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

- Về Tài sản chung:

+ Bà Nguyễn Thị Mai L được quyền sử dụng định đoạt nhà đất thuộc thửa đất số 1200, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại khu vực TH 1, phường TTh, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BD641552, do UBND Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/6/2012;

Bà Nguyễn Thị Mai L, được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý đối với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BD641552, do UBND Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp ngày 27/6/2012 hoặc yêu cầu cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật.

+ Ông Phan Xuân N được quyền sử dụng, định đoạt đối với các tài sản sau:

Thửa đất số 100, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 31/3/2010.

Nhà đất thuộc thửa đất số 510, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường LT, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Giấy CNQSDĐ số AM 088265 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 07/07/2008.

Ông Phan Xuân N được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý đối với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BB 152498 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 31/3/2010 và Giấy CNQSDĐ số AM 088265 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 07/07/2008 hoặc yêu cầu cấp mới, theo quy định của pháp luật.

+ Xe ô tô hiệu Mazda 3, BS 72N – 1572, Giấy Đăng ký xe số 013248 do Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 21/12/2009.

Ông Phan Xuân N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp mới Giấy chứng nhận xe ô tô hiệu Mazda.

+ Buộc ông Phan Xuân N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mai L số tiền 963.785.044 đồng (chín trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi bốn đồng)

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Ngh.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Mai L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí HNST và 102.729.289 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn hai trăm tám mươi chín đồng) án phí chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000674

ngày 29/7/2019; 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000675 ngày 29/7/2019; 1.000.000 đồng (một triệu đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000745 ngày 27/8/2019; 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002846 ngày 27/8/2020 nên bà L còn phải nộp thêm số tiền án phí là 93.529.289 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm hai mươi chín ngàn hai trăm tám mươi chín đồng).

- Ông Phan Xuân N phải nộp 102.729.289 đồng (một trăm lẻ hai triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn hai trăm tám mươi chín đồng) án phí chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000722 ngày 21/8/2019; 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002857 ngày 23/9/2020 nên ông N còn phải nộp thêm số tiền chênh lệch là 101.429.789 đồng (một trăm lẻ một triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng).

Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010120 ngày 29/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

4. Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thành phố Bà Rịa;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Trọng Hải